

Số: 13/2022/QĐST-KDTM

Tuy Hòa, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N Việt Nam; địa chỉ: 02 L, quận B, thành phố Hà Nội (Chi nhánh tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 321 T, phường T, Tp T, tỉnh Phú Yên).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Nguyên P, sinh năm: 1985 – Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp và bà Trần Ngọc D, sinh năm: 1993 – Cán bộ Pháp chế Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH B; Địa chỉ trụ sở: Km7, Quốc lộ 1A, xã A, Tp T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Văn H - Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn Công ty TNHH B phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền vay còn nợ (theo các Hợp đồng tín dụng số 2010/HĐTD/DƯÁN-BTrân ngày 31/5/2010, Giấy nhận nợ ngày: 31/5/2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-BTRAN ngày 17/01/2011; Hợp đồng tín dụng số 08/2011/HĐTD-BTRAN ngày 21/9/2011; Hợp

đồng tín dụng số 01_BAOTRAN/HĐTD ngày 20/10/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PL_BAOTRAN/HĐTD ngày 26/12/2012, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 02/PL_BAOTRAN/HĐTD ngày 30/5/2013, Giấy nhận nợ các ngày: 01/11/2011, 14/11/2011, 21/11/2011, 05/12/2011, 12/12/2011, 04/01/2012, 16/02/2012, 19/6/2012, 27/12/2012, 25/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 02_BAOTRAN/HĐTD ngày 12/7/2012, Giấy nhận nợ các ngày: 12/7/2012, 30/7/2012, 14/8/2012, 04/9/2012, 05/9/2012, 26/10/2012, 28/01/2013, 04/02/2013 và Hợp đồng tín dụng số 11/14/HĐTD-BAOTRAN ngày 24/11/2014, Giấy nhận nợ các ngày 03/6/2013, 04/6/2013, 06/6/2013, 10/6/2013, 19/6/2013, 19/12/2014, 30/12/2014, 08/01/2015, 03/02/2015, 05/02/2015, 09/02/2015, 27/5/2015) tính đến ngày 04/11/2022, tổng cộng là 26.884.345.018 đồng (Hai mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi tư triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm mười tám đồng), trong đó: tiền gốc là 19.430.089.437 đồng và tiền lãi là 7.454.255.581 đồng.

- Về thời gian thanh toán: Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ trên sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 05/11/2022) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 2010/HĐTD/DỰ ÁN-BTrân ngày 31/5/2010, Giấy nhận nợ ngày: 31/5/2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-BTRAN ngày 17/01/2011; Hợp đồng tín dụng số 08/2011/HĐTD-BTRAN ngày 21/9/2011; Hợp đồng tín dụng số 01_BAOTRAN/HĐTD ngày 20/10/2011 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PL_BAOTRAN/HĐTD ngày 26/12/2012, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 02/PL_BAOTRAN/HĐTD ngày 30/5/2013, Giấy nhận nợ các ngày: 01/11/2011, 14/11/2011, 21/11/2011, 05/12/2011, 12/12/2011, 04/01/2012, 16/02/2012, 19/6/2012, 27/12/2012, 25/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 02_BAOTRAN/HĐTD ngày 12/7/2012, Giấy nhận nợ các ngày: 12/7/2012, 30/7/2012, 14/8/2012, 04/9/2012, 05/9/2012, 26/10/2012, 28/01/2013, 04/02/2013 và Hợp đồng tín dụng số 11/14/HĐTD-BAOTRAN ngày 24/11/2014, Giấy nhận nợ các ngày 03/6/2013, 04/6/2013, 06/6/2013, 10/6/2013, 19/6/2013, 19/12/2014, 30/12/2014, 08/01/2015, 03/02/2015, 05/02/2015, 09/02/2015, 27/5/2015.

Trường hợp khi đến thời hạn thanh toán đã thỏa thuận, nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết, gồm:

1. Máy đào bánh xích hiệu Solar, biển số 78XA-0179 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐTC-BAOTRAN ngày 17/01/2011);

2. Công trình Nhà máy chế biến đá bazan B (gồm: Nhà điều hành và Nhà xưởng) tại Cụm công nghiệp – TTTCN Ba Bản, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 259993 do UBND tỉnh Phú Yên cấp ngày 13/5/2013, số vào sổ cấp GCN: CT 01616 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2013/TC/BT ngày 29/5/2013);

3. Dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến đá bazan, gồm: 02 Máy cưa đá lớn hiệu Kawai (KSM 3000); 01 Máy cưa đá hiệu Carlneyer (CST8-2500); 01 Máy cưa đá lớn hiệu Kiguchi (KI25ST-2500); 01 Máy cưa đá lớn hiệu Tadakikai (KI25ST-2500); 01 Máy cưa đá cắt cần hiệu Kawai (Wa 2200-67); 01 Máy cưa đá cắt cần hiệu Gifu (Gifu250-S1); 01 Máy cưa đá hiệu Kaioh (RSY8); 01 Máy cưa đá lớn hiệu Carlneyer (CS 300); 01 Máy đánh bóng hiệu Kiguchi (K7); 01 Máy băm đá hiệu Ueno (U2BLA); 01 Máy băm đá Isobe (Isobe200-68); 01 Máy tiện đá Ligachi (Li967-25XS); 01 Xe nâng Komatsu (FD45-5); Trạm biến áp 250KVA và Hệ thống điện (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2013/HĐTCTS/BT ngày 30/5/2013 và phụ lục HĐTCTS số 08/14/PLHĐTCĐS/BT ngày 24/11/2014);

4. 01 Xe ô tô tải ben hiệu CNHTC, biển số 78K-6538; 01 Xe ô tô tải ben hiệu HYUNDAI, biển số 78K-3440; 01 Xe ô tô tải ben hiệu DONGFENG, biển số 78K-6554; 01 Máy đào bánh lốp hiệu HYUNDAI ROBEX 130, biển số 78LA-0520; 01 Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSU D20P, biển số 78XA-0152; 01 Máy xúc bánh lốp hiệu KOMATSU 530, biển số 78LA-0464; 01 Xe ô tô tải ben hiệu HYUNDAI, biển số 78K-4269; 01 Xe tải ben hiệu HYUNDAI, biển số 78K-4040 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2013_BAOTRAN/HĐTCTS ngày 30/5/2013 và phụ lục HĐTCTS số 05/PLHĐTC/BAOTRAN ngày 24/11/2014).

5. Toàn bộ dây chuyền nghiền sản đá, hệ thống đường dây điện, trạm điện, giàn khoan đá tại mỏ đá Chằm Mâm tại thôn Tân An, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, cụ thể: Dây chuyền nghiền đá lần 1; Bồi thường giải phóng mặt bằng; Máy nghiền sản; Xây dựng đường điện 22KV và trạm biến áp 250KV; Chi phí BC KTKT đường dây điện; Giàn khoan đá BMK5 và máy nén khí; Các hạng mục xây dựng cơ bản phục vụ cho khai thác mỏ; Xây dựng đường nội bộ; Phụ tùng nghiền đá; Phụ tùng nghiền đá; Xây dựng đường dây điện 0.4KV; Chi phí thiết kế CT điện 04.KV; Chi phí thăm dò mỏ đá; Dây chuyền nghiền đá lần 2; Phụ tùng sản nghiền đá; Hàm nghiền đá; Công trình trạm biến áp 22/0.4KV – 250KVA; Công trình trạm biến áp 22/0.4KV – 250KVA và quyền được khai thác mỏ đá (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02_BAOTRAN/HĐTCTS ngày 12/7/2012).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH Bảo Trân phải chịu 67.442.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn 67.236.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0007601 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Lê Mai

